

Trong bài học các em sẽ được tìm hiểu về Đa dạng và đặc điểm chung của lớp chim hay nhất. Là tiền đề cho các bài học nghiên cứu sâu hơn trong chương trình môn sinh học lớp 7. Mời các em học sinh cùng tham khảo.

Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 44 trang 143, 145

Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 44 trang 143

Quan sát hình 44.1 và 44.2 thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Nêu đặc điểm cấu tạo của đà điểu thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên, sa mạc khô nóng.
- Nêu đặc điểm cấu tạo của chim cánh cụt thích nghi với đời sống bơi lội.

Lời giải:

Đà điểu	Chim cánh cụt
- Chân cao: cách nhiệt	- Bộ xương cánh dài khỏe, lông nhỏ, ngắn, dày, không thấm nước
- Chân to, khỏe, có 2 hoặc 3 ngón: chạy nhanh	- Chân ngắn, 4 ngón, có màng bơi
→ Thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên và sa mạc khô nóng	→ Thích nghi cao với đời sống bơi lội

Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 44 trang 145

Đọc bảng hình 44.3, điền nội dung phù hợp vào chỗ trống trong bảng sau:

Lời giải:

Bảng: Đặc điểm cấu tạo ngoài một số bộ Chim thích nghi với đời sống của chúng

Đặc điểm	Bộ ngỗng	Bộ gà	Bộ chim ưng	Bộ cú
Mỏ	Mỏ dài, rộng, dẹp, bờ mỏ có những tấm sừng ngang	Mỏ ngắn, khỏe	Mỏ khỏe, quặp, sắc, nhọn	Mỏ quặp nhưng nhỏ hơn
Cánh	Cánh không đặc sắc	Cánh ngắn, tròn	Cánh dài, khỏe	Dài, phủ lông mềm
Chân	Chân ngắn, có màng bơi rộng nối liền 3 ngón trước	Chân to, móng cùn, con trống có cựa	Chân to, khỏe có vuốt cong, sắc	Chân to, khỏe, có vuốt cong sắc
Đời sống	Bơi giỏi, bắt mồi dưới nước, đi lại vùng về trên cạn	Kiểm mồi bằng cách bới đất, ăn hạt, cỏ non, chôn khớp, giun, than mềm	Chuyên săn bắt mồi về ban ngày, bắt chim, gặm nhấm, gà, vịt	Chuyên săn mồi về ban đêm, bắt chủ yếu gặm nhấm, bay nhẹ nhàng không gây tiếng động
Đại diện của từng bộ chim	Vịt trời, mòng két, thiên nga,...	Công, gà rừng, gà lôi,...	Đại bàng, diều hâu, cắt, chim ưng,...	Cú mèo, cú lợn,...

Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 44 trang 145

Thảo luận, nêu những đặc điểm chung của lớp chim

Lời giải:

- Là những động vật có xương sống
- Mình có lông vũ bao phủ
- Chi trước biến đổi thành cánh
- Có mỏ sừng
- Tim 4 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi
- Trứng lớn có vỏ đá vôi bao bọc. được ấp nở thành con nhờ thân nhiệt bố mẹ
- Là động vật hằng nhiệt

Giải bài tập SGK Sinh học 7 Bài 45

Bài 1 (trang 146 sgk Sinh học 7)

Hãy so sánh đặc điểm cấu tạo ngoài của bộ Ngỗng, bộ Gà, bộ Chim ưng, bộ Cú.

Lời giải:

Đặc điểm cấu tạo ngoài của bộ Ngỗng, bộ Gà, bộ Chim ưng, bộ Cú được so sánh ở bảng sau:

Các bộ chim đặc điểm	Bộ Ngỗng (vịt trời)	Bộ Gà (gà rừng)	Bộ Chim ưng (cắt đen)	Bộ Cú (cú lợn)
Mỏ	Mỏ dài, rộng, dẹp, bờ mỏ có những tấm sừng ngang	Mỏ ngắn, khỏe	Mỏ khỏe, quặp, sắc, nhọn	Mỏ quặp nhưng nhỏ hơn
Cánh	Cánh không đặc sắc	Cánh ngắn, tròn	Cánh dài, khỏe	Dài, phủ lông mềm
Chân	Chân ngắn, có màng bơi rộng nối liền 3 ngón trước	Chân to, móng cùn, con trống chân có cựa	Chân to, khỏe có vuốt cong, sắc	Chân to, khỏe có vuốt cong sắc
Đời sống	Bơi giỏi, bắt mồi dưới nước, đi lại vụng về trên cạn	Kiểm mồi bằng cách bới đất, ăn hạt, cỏ non, chân khớp, giun, thân mềm	Chuyên săn bắt mồi về ban ngày, bắt chim, gặm nhấm, gà, vịt	Chuyên săn mồi về ban đêm, bắt chủ yếu gặm nhấm, bay nhẹ nhàng không gây tiếng động

Bài 2 (trang 146 sgk Sinh học 7)

Đặc điểm chung của lớp chim?

Lời giải:

Đặc điểm chung của lớp chim:

- Mình có lông vũ bao phủ.
- Chi trước biến đổi thành cánh.
- Có mỏ sừng .
- Phổi có mạng ống khí và có túi khí tham gia vào hô hấp.
- Tim có 4 ngăn, máu nuôi cơ thể là máu tươi.
- Là động vật hằng nhiệt.
- Trứng lớn có vỏ đá vôi, được ấp nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ, con non yếu và được chim bố mẹ chăm sóc.

Bài 3 (trang 146 sgk Sinh học 7)

Cho những ví dụ về các mặt lợi ích và tác hại của chim đối với con người.

Lời giải:

* Lợi ích của chim:

- Chim ăn các loại sâu bọ và gặm nhấm: chim sâu, chim chích, gà, vịt, ngan, đại bàng, chim cắt,...
- Chim được chăn nuôi (gia cầm) cung cấp thực phẩm, làm cảnh: gà, vịt, ngan, ngỗng,...
- Chim có lông (vịt, ngan ngỗng) làm chăn, đệm hoặc làm đồ trang trí (lông đà điều).
- Chim được huấn luyện để săn mồi (cóc đế, chim ưng, đại bàng).
- Chim phục vụ du lịch, săn bắt (vịt trời, ngỗng trời, gà gô...).
- Chim có vai trò trong tự nhiên (vẹt ăn quả rụng phát tán cây rừng, chim hút mật ăn mật hoa giúp cho sự thụ phấn cây ...).

* Tuy nhiên chim cũng có một số tác hại:

- Chim ăn các sản phẩm nông nghiệp: chim ăn quả, chim ăn hạt, chim ăn cá ...
- Chim di cư là nguyên nhân lây truyền một số bệnh.
- Một số chim là nguồn gây bệnh cho con người: cúm gà.

Lý thuyết Sinh 7 Bài 47

I. CÁC NHÓM CHIM

Hiện nay lớp Chim được biết khoảng 9 600 loài được xếp trong 27 bộ. Ở Việt Nam đã phát hiện 830 loài. Lớp Chim được chia thành ba nhóm sinh thái lớn: nhóm Chim chạy, nhóm Chim bơi và nhóm Chim bay.

1. Nhóm chim chạy

- Đời sống: Chim hoàn toàn không biết bay, thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên và hoang mạc khô nóng
- Đặc điểm cấu tạo thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên: Cánh ngắn, yếu. Chân cao, to, khỏe, có 2 hoặc 3 ngón.
- Đa dạng: Bộ Đà Điểu gồm 7 loài, phân bố ở châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương.
- Đại diện: Đà điểu Phi, đà điểu Mỹ và đà điểu Úc.



Đà điểu trên thảo nguyên

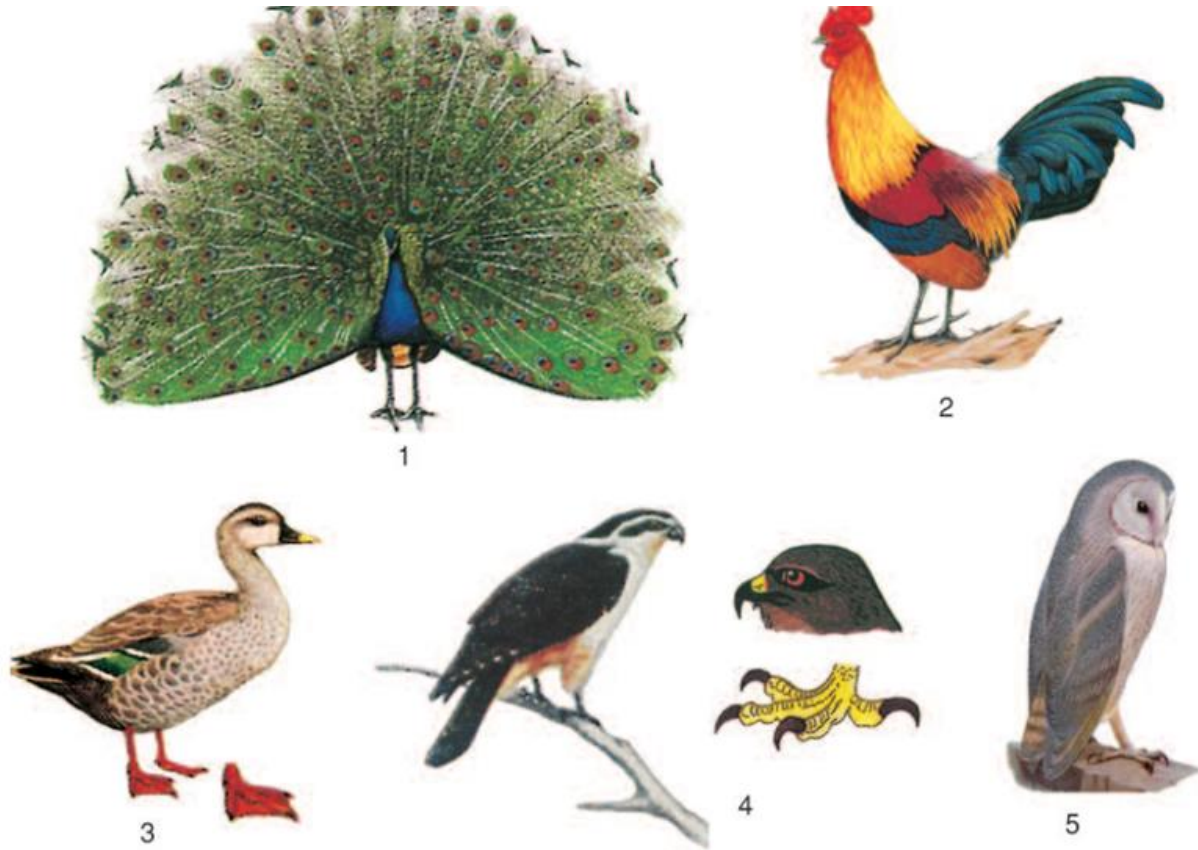
2. Nhóm chim bơi

- Đời sống: Chim hoàn toàn không biết bay, đi lại trên cạn vụng về, song thích nghi cao với đời sống bơi lội trong biển.
- Đặc điểm cấu tạo thích nghi với đời sống bơi lội: Bộ xương cánh dài, khỏe; có lông nhỏ, ngắn và dày, không thấm nước. Chim có dáng đứng thẳng. Chân ngắn, 4 ngón, có màng bơi.
- Đa dạng: Bộ Chim cánh cụt gồm 17 loài sống ở bờ biển Nam Bán Cầu
- Đại diện: Chim cánh cụt



3. Nhóm chim bay

- **Đời sống:** Nhóm Chim bay gồm hầu hết những loài chim hiện nay. Chúng là những chim biết bay ở những mức độ khác nhau. Chúng có thể thích nghi với những lối sống đặc biệt như bơi lội (vịt trời, mòng két), ăn thịt (chim ưng, cú)
- **Đặc điểm cấu tạo:** Cánh phát triển, chân có 4 ngón
- **Đại diện:** Chim bồ câu, chim én...



Hình 44.3. Đại diện điển hình cho một số loài chim thuộc nhóm Chim bay
 Bộ Gà (chim đào bới) : 1. Công ; 2. Gà rừng ;
 Bộ Ngỗng (chim ở nước) : 3. Vịt trời và chân vịt trời ;
 Bộ Cắt (chim ăn thịt ban ngày) : 4. Cắt và đầu, mỏ, chân cắt ;
 Bộ Cú (chim ăn thịt ban đêm) : 5. Cú lợn.

Bảng: Đặc điểm cấu tạo ngoài của một số bộ Chim thích nghi với đời sống của chúng

Đặc điểm	Bộ.Ngỗng	Bộ.Gà	Bộ.Chim ưng	Bộ.Cú
Mỏ	Mỏ dài, rộng, dẹp, bờ mỏ có những tấm sừng ngang	Mỏ ngắn, khoẻ	Mỏ khoẻ, quặp, sắc, nhọn	Mỏ quặp nhưng nhỏ hơn
Cánh	Cánh không đặc sắc	Cánh ngắn, tròn	Cánh dài, khoẻ	Dài, phủ lông mềm
Chân	Chân ngắn, có màng bơi rộng nối liền 3 ngón trước	Chân to, móng cùn, con trống chân có cựa	Chân to, khoẻ có vuốt cong, sắc	Chân to, khoẻ có vuốt cong sắc
Đời sống	Bơi giỏi, bắt mồi dưới nước, đi lại vụng về trên cạn	Kiểm mồi bằng cách bới đất, ăn hạt, cỏ non, chân khớp, giun, thân mềm	Chuyên săn bắt mồi về ban ngày, bắt chim, gặm nhấm, gà, vịt	Chuyên săn mồi về ban đêm, bắt chủ yếu gặm nhấm, bay nhẹ nhàng không gây tiếng động
Đại diện của từng bộ chim	. Vịt trời. Gà rừng. Cắt đen. Cú lợn

II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CHIM

Chim là những động vật có xương sống thích nghi cao đối với sự bay lượn và với những điều kiện sống khác nhau. Chúng có những đặc điểm chung sau: mình có lông vũ bao phủ; chi trước biến đổi thành cánh; có mỏ sừng; phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia vào hô hấp; tim có 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể, là động vật hằng nhiệt. Trứng lớn có vỏ đá vôi, được ấp nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ.

III. VAI TRÒ CỦA CHIM

- Chim ăn các loại sâu bọ và gặm nhấm làm hại nông nghiệp, lâm nghiệp và gây bệnh dịch cho con người.



- Chim được chăn nuôi (gia cầm) cung cấp thực phẩm, làm cảnh. Chim cho lông (vịt, ngan, ngỗng) làm chăn, đệm hoặc làm đồ trang trí (lông đà điểu).



Áo và ruột gối làm từ lông vũ

- Chim được huấn luyện để săn mồi (cóc đé, chim ưng, đại bàng), chim phục vụ du lịch, săn bắt (vịt trời, ngỗng trời, gà gô...)

- Chim có vai trò trong tự nhiên (vẹt ăn quả rụng phát tán cây rừng hoặc chim hút mật ăn mật hoa giúp cho sự thụ phấn cây...).



- Tuy nhiên có một số loài chim có hại cho kinh tế nông nghiệp như chim ăn quả, chim ăn hạt, chim ăn cá...